

Số: 123/2026/QĐST-DS

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2026/TLST- DS, ngày 27 tháng 5 năm 2026, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc Q – chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân. Ông Q uỷ quyền lại cho ông Lê Viết L – chức vụ: chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng C, trung tâm thương mại T, số B Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 2000 và chị Bùi Thị H, sinh năm 2005; địa chỉ: Phố C, xã B, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Trung K và chị Bùi Thị H còn nợ Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 638.317.562đ Trong đó: Tiền gốc: 600,000,000 đồng; Lãi trong hạn: 4,423,316 đồng; Lãi quá hạn: 33,894,247 đồng. theo các Hợp đồng tín dụng số LN251017624800 và khế ước nhận nợ cùng ngày 31/10/2023; Hợp đồng tín dụng số LN251017624800 ngày 24/10/2025 đã ký với Ngân hàng TMCP V.

Anh Nguyễn Trung K và chị Bùi Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền còn nợ trên, chậm nhất là ngày 17/7/2026.

Trường hợp anh **Nguyễn Trung K** và chị **Bùi Thị H** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, **Ngân hàng V1** có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản thuộc quyền sở hữu của anh **Nguyễn Trung K** và chị **Bùi Thị H** để thu hồi nợ cho **Ngân hàng V1** là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 111,112,113,114,115, tờ bản đồ 16 (đo vẽ năm 2006) hiện tại là tờ bản đồ số 51 (đo vẽ năm 2025), tại **Làng N (nay thôn N), xã M, tỉnh Thanh Hóa** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số: AA 04452121, số vào sổ cấp GCN: CN 6254 do Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ Ngọc Lặc cấp ngày 31/10/2025; AA 04452124, số vào sổ cấp GCN: CN 6253 do Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ Ngọc Lặc cấp ngày 31/10/2025; AA 04452123, số vào sổ cấp GCN: CN 6257 do Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ Ngọc Lặc cấp ngày 31/10/2025; AA 04452122, số vào sổ cấp GCN: CN 6256 do Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ Ngọc Lặc cấp ngày 31/10/2025; AA 04452120, số vào sổ cấp GCN: CN 6255 do Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ Ngọc Lặc cấp ngày 31/10/2025 để thu hồi nợ theo quy định.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thanh toán khoản nợ cho **Ngân hàng V1**, anh **Nguyễn Trung K** và chị **Bùi Thị H** có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn lại cho **Ngân hàng V1** đến khi thanh lý hợp đồng.

Kể từ ngày 18/7/2026, anh **Nguyễn Trung K** và chị **Bùi Thị H** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bên thỏa thuận anh **Nguyễn Trung K** và chị **Bùi Thị H** chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 14.766.351.000 đồng

Trả lại cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.333.000 đồng. Theo biên lai thu số tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004229 ngày 27/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12-Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Dung